

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

- Mã chứng khoán: AVG
- Địa chỉ: Quốc Lộ 1A, Ấp Long An B, xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại liên hệ/Tel: + 84 (0) 293 62 65 666; + 84 (0) 2923 91 91 98
- Email: info@phanbonauviet.vn
- Website: www.phanbonauviet.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2025  
☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2025 tại đường dẫn: <https://phanbonauviet.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC hợp nhất bán niên năm 2025
- Văn bản giải trình chênh lệch LNST trên BCTC bán niên năm 2025 (Riêng + Hợp nhất)

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật



**VÕ VĂN PHƯỚC QUỆ**

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 – 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 – 43

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

### **THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt (gọi tắt là "Công ty") thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300230407 ngày 31 tháng 7 năm 2013 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh 07 lần. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 07 được Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp ngày 28 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh phân bón, cho thuê nhà xưởng.

### **CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Hoàng Luân	Chủ tịch HĐQT	
Ông Võ Văn Phước Quê	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên HĐQT	
Ông Đinh Huỳnh Thái Tâm	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Đức Lộc	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/4/2025
Bà Võ Huỳnh Trang	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/4/2025

#### **Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lưu Thị Cẩm Hoài	Thành viên Ban kiểm soát

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Võ Văn Phước Quê	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Biện Thị Chuyên	Kế toán trưởng

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Võ Văn Phước Quê - Tổng Giám đốc.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngoài các sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh số 7.2 – “Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán”, Công ty không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày khoá sổ kế toán cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán. Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Võ Văn Phước Quê**

Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Số: 2208.1/2025/BCSX/IAV

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2025 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 28/08/2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 28/03/2025.



**Nguyễn Hữu Hoàn**  
**Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2417-2023-283-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**  
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025*

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>222.673.011.290</b>	<b>212.419.056.411</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>8.374.956.020</b>	<b>25.416.539.067</b>
1. Tiền	111		8.374.956.020	25.416.539.067
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4.8</b>	<b>32.241.625.000</b>	<b>7.761.625.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		32.241.625.000	7.761.625.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>168.385.849.608</b>	<b>123.535.907.476</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	158.991.731.835	122.815.356.916
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	8.786.253.513	170.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	607.864.260	550.550.560
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.5</b>	<b>11.168.348.529</b>	<b>52.696.130.069</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.168.348.529	52.696.130.069
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.502.232.133</b>	<b>3.008.854.799</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	235.308.650	192.976.372
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.266.923.483	2.815.878.427
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>186.890.102.366</b>	<b>191.387.963.591</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>89.847.558.218</b>	<b>92.268.743.080</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	61.586.510.178	63.410.898.280
- Nguyên giá	222		81.857.315.184	81.803.315.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.270.805.006)	(18.392.416.904)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	4.094.461.072	4.315.703.014
- Nguyên giá	225		5.265.505.600	5.265.505.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.171.044.528)	(949.802.586)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	24.166.586.968	24.542.141.786
- Nguyên giá	228		28.677.302.852	28.677.302.852
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.510.715.884)	(4.135.161.066)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>4.11</b>	<b>75.839.914.830</b>	<b>77.646.662.826</b>
- Nguyên giá	231		91.251.885.140	91.251.885.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.411.970.310)	(13.605.222.314)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.019.808.201</b>	<b>3.073.808.201</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.019.808.201	3.073.808.201
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.182.821.117</b>	<b>18.398.749.484</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	18.182.821.117	18.398.749.484
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>409.563.113.656</b>	<b>403.807.020.002</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		174.774.677.706	176.880.193.121
I. Nợ ngắn hạn	310		171.162.991.323	172.274.396.744
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	37.832.667.780	20.900.075.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.125.000	1.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	1.023.978.779	755.502.284
4. Phải trả người lao động	314		557.533.254	611.545.830
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	393.318.263	478.186.897
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	416.067.977	312.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	130.911.300.270	149.216.086.577
II. Nợ dài hạn	330		3.611.686.383	4.605.796.377
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	406.931.600	406.931.600
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	3.204.754.783	4.198.864.777
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	234.788.435.950	226.926.826.881
I. Vốn chủ sở hữu	410		234.788.435.950	226.926.826.881
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		176.799.820.000	176.799.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		176.799.820.000	176.799.820.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		471.167.081	471.167.081
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.245.653.476	46.394.041.657
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421a		46.394.041.657	33.701.370.046
kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.851.611.819	12.692.671.611
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.271.795.393	3.261.798.143
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		409.563.113.656	403.807.020.002

  
Người lập biểu  
Nguyễn Khải Văn

  
Kế toán trưởng  
Biện Thị Chuyên

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Võ Văn Phước Quê  
Cần Thơ, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	381.765.440.453	312.991.821.097
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.000.000	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	10		<b>381.764.440.453</b>	<b>312.991.821.097</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	364.547.549.991	299.477.962.856
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	20		<b>17.216.890.462</b>	<b>13.513.858.241</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	88.975.292	161.895.557
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4.434.110.531	4.810.808.102
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.429.310.531	4.810.808.102
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	1.376.489.351	912.820.819
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	2.990.620.314	3.141.835.129
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	30		<b>8.504.645.558</b>	<b>4.810.289.748</b>
12. Thu nhập khác	31	5.7	-	18.550.000
13. Chi phí khác	32	5.8	174.559.994	115.615.071
14. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>(174.559.994)</b>	<b>(97.065.071)</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>8.330.085.564</b>	<b>4.713.224.677</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	468.476.495	280.484.924
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		<b>7.861.609.069</b>	<b>4.432.739.753</b>
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		7.851.611.819	4.396.598.291
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		9.997.250	36.141.462
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	444	323
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.10	296	323

Người lập biểu  
Nguyễn Khải Văn

Kế toán trưởng  
Biện Thị Chuyên



Tổng Giám đốc  
Võ Văn Phước Quê  
Cần Thơ, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

*Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025*

*(theo phương pháp gián tiếp)*

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>8.330.085.564</b>	<b>4.713.224.677</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.281.932.858	4.294.027.798
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(88.975.292)	(161.895.557)
- Chi phí lãi vay	06		4.429.310.531	4.810.808.102
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>16.952.353.661</b>	<b>13.656.165.020</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(44.300.987.188)	(30.403.231.180)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		41.527.781.540	(9.842.665.020)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		16.840.035.757	19.111.095.498
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		173.596.089	78.588.034
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(24.480.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.344.441.897)	(5.057.054.955)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(200.000.000)	(471.783.132)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.168.337.962</b>	<b>(12.928.885.735)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.400.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.400.000.000	10.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		88.975.292	161.895.557
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>88.975.292</b>	<b>10.161.895.557</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

(theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	MS	TM	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	145.264.000.320	150.684.977.857
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(163.966.386.665)	(148.987.364.642)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	6.3	(596.509.956)	(596.509.956)
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(19.298.896.301)</b>	<b>1.101.103.259</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17.041.583.047)	(1.665.886.919)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.416.539.067	10.337.980.916
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		<u>8.374.956.020</u>	<u>8.672.093.997</u>



Người lập biểu  
Nguyễn Khải Văn



Kế toán trưởng  
Biện Thị Chuyên



Tổng Giám đốc  
Võ Văn Phước Quê  
Cần Thơ, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt (gọi tắt là “Công ty”) thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300230407 ngày 31 tháng 7 năm 2013 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh 07 lần. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 07 được Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp ngày 28 tháng 07 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 là: 176.799.820.000 VND, tương đương 17.679.982 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 80 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 72 người).

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất và kinh doanh phân bón;
- Cho thuê nhà xưởng;
- Điện mặt trời;

#### **1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025, Công ty không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

#### **1.6. Cấu trúc Doanh nghiệp**

Danh sách các Công ty con trực tiếp được hợp nhất:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang	Cần Thơ	97,62%	97,62%	Buôn bán phân bón, cho thuê nhà xưởng

#### **1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2. Giả định hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### **2.3. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không

kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **3.4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư là cổ phiếu được giao dịch trên thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) được xác định bằng giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và

Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### **3.5. Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **3.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### 3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10
Tài sản cố định khác	06 – 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và chi phí thanh lý tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

### 3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty tại địa chỉ Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang (nay là “Ấp Tầm Vu 1, xã Thạnh Hoà, Thành phố Cần Thơ”). Chi tiết tại Thuyết minh số 4.10.

### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chỉ ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### **3.9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Doanh nghiệp sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

	<b><u>Số năm</u></b>
Máy móc, thiết bị	15
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10

### **3.10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa, vật kiến trúc với thời gian khấu hao 20 – 50 năm.

**3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**3.12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí thuê đất**

Giá trị QSD đất thuê trả tiền một lần tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 25, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là "Ấp Long An B, Xã Đông Phước, TP Cần Thơ, Việt Nam") theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR248466 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Hậu Giang cấp. Thời hạn sử dụng đất từ ngày 22/01/2019 đến ngày 22/01/2069. Giá trị quyền sử dụng đất nói trên đang được thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang (Chi tiết tại Thuyết minh số 4.16 (1)). Chi phí thuê đất được phân bổ dần vào chi phí với thời gian phân bổ theo thời hạn sử dụng còn lại.

Giá trị QSD đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 58, địa chỉ Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long (nay là "Ấp Mỹ Lợi, Phường Cái Vồn, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam"). Diện tích 2.180 m<sup>2</sup>, là đất khu công nghiệp có thời hạn sử dụng đến 08/09/2056.

**3.13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi

phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

### **3.14. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **3.15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **3.16. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **3.17. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

### **3.18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### **Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

##### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **3.19. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### **3.20. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

### **3.21. Thuế**

#### **Thuế Giá trị gia tăng**

Trong kỳ, đối với hoạt động kinh doanh phân bón: Không chịu thuế GTGT (đến hết 30/6/2025).

Đối với các hoạt động khác: 10%, 8%.

#### **Thuế TNDN**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Tại Công ty mẹ*

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2014 (năm đầu tiên phát sinh doanh thu);
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017 (phát sinh thu nhập chịu thuế);
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2021.

Trong kỳ, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

*Tại CTCP Đầu tư Phúc điền Hậu Giang – Công ty con*

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2016;
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2016;
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2020.

Trong kỳ, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **3.22. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	3.085.823.391	2.179.264.298
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.289.132.629	23.237.274.769
<b>Cộng</b>	<b>8.374.956.020</b>	<b>25.416.539.067</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
CTCP Phân bón Lâm Phong	13.263.582.355	2.976.877.955
CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Miền Nam	16.309.369.660	11.093.284.560
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Song Ngư	-	10.144.176.780
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Khánh Phát	5.462.594.103	3.880.817.103
CTCP Công Nghệ Sinh học Bảo Long Cần Thơ	10.049.663.592	1.382.392.492
Công ty TNHH Đầu tư Louis	6.749.722.400	4.413.447.900
Công ty TNHH Đầu tư AMEE	7.037.756.532	7.506.155.532
CTCP Phân bón EUR	4.058.694.710	11.905.884.465
Các khách hàng khác	96.060.348.483	69.512.320.129
<b>Cộng</b>	<b>158.991.731.835</b>	<b>122.815.356.916</b>

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Hala Fertilizer	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Huỳnh Phi	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Nguyên liệu Nông nghiệp Mekong	907.753.513	-
Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Duy Phương	360.000.000	170.000.000
Công ty TNHH MTV Nam Việt Hậu Giang	2.000.000.000	-
CTCP Đầu tư Sunrise VN	1.000.000.000	-
Khác	518.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.786.253.513</b>	<b>170.000.000</b>

**4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tạm ứng	2.576.700	-
Ký quỹ, ký cược	550.550.560	550.550.560
Khác	54.737.000	-
<b>Cộng</b>	<b>607.864.260</b>	<b>550.550.560</b>

**4.5. Hàng tồn kho**

	<b>Giá gốc</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>VND</b>	<b>Dự phòng</b>
		<b>VND</b>		<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	9.306.580.705	-	32.649.342.514	-
Hàng hoá	1.861.767.824	-	20.046.787.555	-
<b>Cộng</b>	<b>11.168.348.529</b>	<b>-</b>	<b>52.696.130.069</b>	<b>-</b>

**4.6. Chi phí trả trước**

**4.6.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo hiểm	147.786.567	122.476.372
Các khoản khác	87.522.083	70.500.000
<b>Cộng</b>	<b>235.308.650</b>	<b>192.976.372</b>

**4.6.2. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	83.918.502	106.902.030
Chi phí thuê đất (*)	17.999.214.656	18.228.359.948
Các khoản khác	99.687.959	63.487.506
<b>Cộng</b>	<b>18.182.821.117</b>	<b>18.398.749.484</b>

(\*) Là khoản tiền thuê đất trả tiền 01 lần của 02 thửa đất được phân bổ theo thời gian còn lại của thửa đất. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 3.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ẮU VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

4.7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	51.388.557.628	11.571.188.000	2.373.036.363	16.470.533.193	81.803.315.184
Mua trong kỳ	-	54.000.000	-	-	54.000.000
Số dư cuối kỳ	51.388.557.628	11.625.188.000	2.373.036.363	16.470.533.193	81.857.315.184
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	8.869.398.548	5.062.498.381	1.877.057.735	2.583.462.240	18.392.416.904
Khấu hao trong kỳ	1.075.115.964	403.101.472	70.760.004	329.410.662	1.878.388.102
Số dư cuối kỳ	9.944.514.512	5.465.599.853	1.947.817.739	2.912.872.902	20.270.805.006
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	42.519.159.080	6.508.689.619	495.978.628	13.887.070.953	63.410.898.280
Tại ngày cuối kỳ	41.444.043.116	6.159.588.147	425.218.624	13.557.660.291	61.586.510.178

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2025 là 27.027.218.531 VND, tại 01/01/2025 là 27.746.761.295 VND.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2025 là 2.599.898.363 VND, tại 01/01/2025 là 2.350.198.363 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

4.8. Đầu tư tài chính  
4.8.1. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý (i) VND
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>32.241.625.000</b>	<b>-</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>7.761.625.000</b>	<b>-</b>	<b>7.750.000.000</b>
CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam (ECO)	7.761.625.000	-	12.500.000.000	7.761.625.000	-	7.750.000.000
CTCP Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á (*)	24.480.000.000	-	(**)			
<b>Cộng</b>	<b>32.241.625.000</b>	<b>-</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>7.761.625.000</b>	<b>-</b>	<b>7.750.000.000</b>

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam (mã: ECO; số lượng cổ phiếu tại ngày 30/06/2025 và tại ngày 31/12/2024 là 500.000 cổ phiếu) là được xác định bằng trị giá của cổ phiếu vào thời điểm đóng cửa phiên giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giá trị là 25.000 VND/ cổ phiếu.

(\*) Là khoản đầu tư vào CTCP Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á ("Công ty Châu Á"). Tính đến thời điểm 30/06/2025, Công ty nắm giữ 2.400.000 cổ phần. Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 0606/2025/NQ-HĐQT/PĐHG ký ngày 06/06/2025 Thông qua việc đầu tư vào CTCP Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á, trong đó: nắm giữ vì mục đích kinh doanh và dự kiến bán trong vòng 12 tháng.

(\*\*) CTCP Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á không phải là Công ty đại chúng và niêm yết nên Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**4.9. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	2.522.000.000	2.743.505.600	5.265.505.600
Số dư cuối năm	2.522.000.000	2.743.505.600	5.265.505.600
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu kỳ	378.299.997	571.502.589	949.802.586
Khấu hao trong kỳ	84.066.666	137.175.276	221.241.942
Số dư cuối kỳ	462.366.663	708.677.865	1.171.044.528
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	2.143.700.003	2.172.003.011	4.315.703.014
Tại ngày cuối kỳ	2.059.633.337	2.034.827.735	4.094.461.072

Tại ngày 30/06/2025, Công ty đang thuê tài chính 01 dây chuyền trộn phân và 02 xe ô tô con. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty lựa chọn mua lại những tài sản cố định này được quy định cụ thể trong các hợp đồng thuê tài chính.

**4.10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	28.584.202.852	93.100.000	28.677.302.852
Số dư cuối kỳ	28.584.202.852	93.100.000	28.677.302.852
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu kỳ	4.048.483.278	86.677.788	4.135.161.066
Khấu hao trong kỳ	369.132.606	6.422.212	375.554.818
Số dư cuối kỳ	4.417.615.884	93.100.000	4.510.715.884
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	24.535.719.574	6.422.212	24.542.141.786
Tại ngày cuối kỳ	24.166.586.968	-	24.166.586.968

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2025 là 24.166.586.968 VND, tại 01/01/2025 là 24.535.719.574 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2025 là 49.750.000 VND, tại 01/01/2025 là 49.750.000 VND.

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tất cả quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 01, địa chỉ Ấp Tầm Vu 1, xã Thạnh Hoà, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là "Ấp Tầm Vu 1, xã Thạnh Hoà, Thành phố Cần Thơ") theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sau:

Số giấy chứng nhận	Số thửa đất	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất
CV110726	1754	12.851,4	29/9/2054	TMD	12.285.114.091
CV110726	1754	14.797,9	02/8/2056	TMD	14.145.843.240
CV110726	1754	1.000,0	Lâu dài	TMD	955.935.858
CV245717	1206	300,0	Lâu dài	ONT	286.780.758
CV245718	1220	300,0	Lâu dài	ONT	286.780.758
CV245719	1211	300,0	Lâu dài	ONT	286.780.758
CV245720	1215	59,0	Lâu dài	ONT	56.400.216
CV245743	1214	293,5	29/9/2054	SKC	280.567.174
<b>Cộng</b>					<b>28.584.202.852</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tất cả các quyền sử dụng đất nêu trên đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của CTCP Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHBĐ/NHCT821-CTY PHUC DIEN ký ngày 25/8/2020 giữa CTCP Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hậu Giang.

#### 4.11. Bất động sản đầu tư

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a) Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	91.251.885.140	-	-	91.251.885.140
	<b>91.251.885.140</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>91.251.885.140</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	(13.605.222.314)	(1.806.747.996)	-	(15.411.970.310)
	<b>(13.605.222.314)</b>	<b>(1.806.747.996)</b>	<b>-</b>	<b>(15.411.970.310)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	77.646.662.826	(1.806.747.996)	-	75.839.914.830
	<b>77.646.662.826</b>	<b>(1.806.747.996)</b>	<b>-</b>	<b>75.839.914.830</b>

Giá trị còn lại của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại 30/06/2025 là 20.320.043.953 VND, tại 01/01/2025 là 56.309.288.352 VND.

Công ty và Công ty con chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường và chưa tìm đơn vị tư vấn phù hợp để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

**4.12. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu kỳ VND</b>
Lãi vay phải trả	393.318.263	478.186.897
	<b>393.318.263</b>	<b>478.186.897</b>

**4.13. Phải trả khác**

**4.13.1. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu kỳ VND</b>
Bảo hiểm xã hội	80.610.460	-
Bảo hiểm y tế	14.509.881	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.448.835	-
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	312.000.000	312.000.000
Phải trả khác	2.498.801	-
	<b>416.067.977</b>	<b>312.000.000</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.3)</b>	<b>312.000.000</b>	<b>312.000.000</b>

**4.13.2. Phải trả dài hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu kỳ VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	406.931.600	406.931.600
	<b>406.931.600</b>	<b>406.931.600</b>

(\*) Là khoản tiền đặt cọc của khách hàng thuê kho bãi dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**4.14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Nam Việt Hậu Giang	4.626.949.000	4.626.949.000	2.760.090.300	2.760.090.300
CTCP Sinh học xanh	6.958.509.536	6.958.509.536	1.991.158.000	1.991.158.000
CTCP Phân bón Thiên Hóa	825.778.000	825.778.000	2.456.853.000	2.456.853.000
Công ty TNHH Hala Fertilizer	897.399.000	897.399.000	3.068.947.460	3.068.947.460
CTCP Đầu tư Sunrise VN	2.280.111.500	2.280.111.500	3.485.889.757	3.485.889.757
CTCP Đầu tư Đức Tín HG	13.858.081.972	13.858.081.972	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đức Tín HG	4.364.343.200	4.364.343.200	-	-
CTCP Đầu tư Gemma	4.021.495.572	4.021.495.572	7.137.136.639	7.137.136.639
Các nhà cung cấp khác				
<b>Cộng</b>	<b>37.832.667.780</b>	<b>37.832.667.780</b>	<b>20.900.075.156</b>	<b>20.900.075.156</b>

**4.15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	626.311.699	626.311.699	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.023.978.779	200.000.000	468.476.495	-	755.502.284
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	3.028.007	3.028.007	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	2.500.000	2.500.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.023.978.779</b>	<b>839.839.706</b>	<b>1.108.316.201</b>	<b>-</b>	<b>755.502.284</b>

**Cộng**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4.16. Vay và nợ thuế tài chính

4.16.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ		Trong kỳ			Đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Điều chỉnh phân loại VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>128.464.000.320</b>	<b>128.464.000.320</b>	<b>145.264.000.320</b>	<b>163.109.706.665</b>	-	<b>146.309.706.665</b>	<b>146.309.706.665</b>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Thủ Đức	-	-	11.200.000.000	22.385.000.000	-	11.185.000.000	11.185.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang (1)	125.464.000.320	125.464.000.320	131.064.000.320	140.624.706.665	-	135.024.706.665	135.024.706.665
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Cần Thơ (2)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.713.360.000</b>	<b>1.713.360.000</b>	<b>856.680.000</b>	<b>856.680.000</b>	-	<b>1.713.360.000</b>	<b>1.713.360.000</b>
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam (3)	93.360.000	93.360.000	46.680.000	46.680.000	-	93.360.000	93.360.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang (4)	1.620.000.000	1.620.000.000	810.000.000	810.000.000	-	1.620.000.000	1.620.000.000
<b>Nợ thuế tài chính đến hạn trả</b>	<b>733.939.950</b>	<b>733.939.950</b>	<b>252.199.998</b>	<b>596.509.956</b>	<b>(114.770.004)</b>	<b>1.193.019.912</b>	<b>1.193.019.912</b>
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (5)	733.939.950	733.939.950	252.199.998	596.509.956	(114.770.004)	1.193.019.912	1.193.019.912
<b>Cộng</b>	<b>130.911.300.270</b>	<b>130.911.300.270</b>	<b>146.372.880.318</b>	<b>164.562.896.621</b>	<b>(114.770.004)</b>	<b>149.216.086.577</b>	<b>149.216.086.577</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4.16.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Trong kỳ			Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Điều chỉnh phân loại	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	3.120.688.098	3.120.688.098	-	3.819.580.000	-	3.977.368.098	3.977.368.098
Ngân hàng TNHH MVT Public Bank Việt Nam (3)	503.688.098	503.688.098	-	46.680.000	-	550.368.098	550.368.098
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Hậu Giang (4)	2.617.000.000	2.617.000.000	-	3.772.900.000	-	3.427.000.000	3.427.000.000
Nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (5)	84.066.685	84.066.685	-	252.199.998	114.770.004	221.496.679	221.496.679
	84.066.685	84.066.685	-	252.199.998	114.770.004	221.496.679	221.496.679
Cộng	3.204.754.783	3.204.754.783	-	4.071.779.998	114.770.004	4.198.864.777	4.198.864.777

(1) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang theo các Hợp đồng sau:

➢ **Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2024-HĐCVHM/NHCT821-CTY ÂU VIỆT ký ngày 26/08/2024:**

- Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 26 tháng 08 năm 2025;
- Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ;
- Mục đích cấp tín dụng là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh phân bón các loại;
- Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại thửa 288, tờ bản đồ số 25, địa chỉ Ấp Long Giang B, Thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 248466, số vào sổ cấp GCN CT14247, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 19/08/2019 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt. Giá trị của tài sản là 70.005.000.000 VND theo biên bản thỏa thuận định giá tài sản thể chấp số 02/2024- BBĐGL/NHCT821-CTY AU VIET ngày 31/07/2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**➤ Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐVHM/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ký ngày 07/10/2024:**

- Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký đến ngày 07/10/2025;
- Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;
- Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo từ Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2020/HĐBBĐ/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 25/8/2020. Bao gồm các tài sản đảm bảo sau:
  - ✓ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 110726 thuộc thửa đất số 1754, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 12.851,4 m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng đến ngày 29/09/2054, 14.797,9 m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng đến 02/08/2056 và 1000 m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Số vào sổ cấp GCN: CT19114 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 31/07/2020.
  - ✓ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245743 thuộc thửa đất số 1214, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 293,5 m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng đến ngày 29/09/2054; Mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Số vào sổ cấp GCN: CT19190 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
  - ✓ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245720 thuộc thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 59,0 m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Số vào sổ cấp GCN: CT19194 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
  - ✓ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245718 thuộc thửa đất số 1220, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 300,0 m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Số vào sổ cấp GCN: CT19192 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
  - ✓ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245717 thuộc thửa đất số 1206, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 300,0 m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Số vào sổ cấp GCN: CT19191 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
  - ✓ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245719 thuộc thửa đất số 1211, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 300,0 m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Số vào sổ cấp GCN: CT19193 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020. Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 139.882.853.800 VND, thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phúc Điền Hậu Giang theo biên bản định giá tài sản đảm bảo số 01/2024-BBĐGL/NHCT821-CTY PHUC-05/2024 ngày 15/05/2024PHUC-05/2024 ngày 15/05/2024.

**(2) Là khoản vay ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng số 112-0030652.20167/2024/HĐTD ký ngày 10/12/2024.**

- Hạn mức cho vay là 6.600.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ;

- Mục đích cấp tín dụng là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón;
  - Khoản vay được đảm bảo bởi: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 63, tờ bản đồ số 13; tại khu dân cư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Fico, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành Lập và bà Phạm Trần Đan Thanh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 821060, sổ vào sổ cấp GCN: CS02762 do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP Cần Thơ cấp ngày 10/03/2017. Giá trị tài sản thế chấp là 6.383.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1012/2024/HĐTC ký ngày 10/12/2024 và biên bản định giá nhà đất ký ngày 10/12/2024.
- (3) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public bank Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số HCM/000099/18 ngày 05 tháng 03 năm 2018:
- Hạn mức là 1.400.000.000 VND;
  - Thời hạn duy trì hạn mức là 180 tháng;
  - Lãi suất cho vay là 2,6%/năm + lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng bằng VNĐ loại lãi suất cuối kỳ niêm yết tại ngân hàng;
  - Mục đích sử dụng là tài trợ/hoàn lại một phần chi phí mua Căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, hiện đang được sử dụng làm văn phòng đại diện của Công ty. Góc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng một khoản tiền là 7.780.000 VND trong vòng 180 tháng bắt đầu từ tháng tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên;
  - Khoản vay được đảm bảo bằng Căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh với giá mua là 2.063.504.239 VND.
- (4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang theo hợp đồng tín dụng số 01/2021 – HĐCVDADT/NHCT821 – CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 29/01/2021.
- Hạn mức vay là 12.000.000.000 VND;
  - Mục đích thanh toán/bù đắp chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại số 179, quốc lộ 61, Ấp tâm vu 1, xã Thạch Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
  - Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - Lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ. Góc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng trong đó gốc vay phải trả cho hàng kỳ là 135.000.000 VND.
  - Tài sản đảm bảo là:
    - ✓ Toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà thuộc dự án điện mặt trời mái nhà tại số 179, Quốc lộ 61, Ấp tâm vu 1, xã Thạch Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang theo hợp đồng thế chấp động sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT821-ĐMT-CTY PHUC DIEN ngày 29/01/2021, giá trị của tài sản thế chấp là 14.027.163.871 VND theo theo biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 01/2021-BBĐGL03/NHCT821-CTY PHUC DIEN ngày 10 tháng 08 năm 2024.
    - ✓ Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 25/8/2020. Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 139.882.853.800 VND, thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phúc Điền Hậu Giang theo biên bản định giá tài sản đảm bảo số 01/2024-BBĐGL/NHCT821-CTY PHUC DIEN ngày 15/05/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

- ✓ Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá từ có giá số 01/2021/HĐBĐ/NHCT821-PHUC DIEN-TRAI PHIEU ngày 23/12/2021, giá trị của tài sản thế chấp là 1.000.000.000 VND của ông Nguyễn Hoàng Luân.
- (5) Là khoản nợ thuế tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE theo các hợp đồng sau:
  - Hợp đồng cho thuê tài chính số C2208060C2 ngày 13/9/2022 cho tài sản: Dây chuyền trộn phân NPK 3 màu; Thời hạn thuê 48 tháng, giá trị thuê 2.522.000.000 VND. Lãi suất thuê ban đầu là 9,18% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 9,05% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 3,07%. Nợ thuế được thanh toán lãi và gốc thành 47 kỳ.
  - Hợp đồng cho thuê tài chính số B2207325C1 ngày 19/7/2022, Bản tu chỉnh số 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B2207325C1 ngày 18/11/2022 cho tài sản: Ô tô con hiệu Mercedes Benz biển số 50 LD-195.57 và Ô tô con hiệu Vinfast biển số 50 LD-200.46; Thời hạn thuê 36 tháng, giá trị thuê 2.743.505.600 VND. Lãi suất thuê ban đầu là 9,8% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 9,67% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 2,67%. Nợ thuế được thanh toán lãi và gốc thành 35 kỳ.

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	136.000.000.000	471.167.081	74.501.190.046	3.152.668.033	214.125.025.160	
- Tăng vốn từ lợi nhuận	40.799.820.000	-	(40.799.820.000)	-	-	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	12.692.671.611	109.130.110	12.801.801.721	
Số dư cuối năm trước	176.799.820.000	471.167.081	46.394.041.657	3.261.798.143	226.926.826.881	
Số dư đầu kỳ này	176.799.820.000	471.167.081	46.394.041.657	3.261.798.143	226.926.826.881	
- Lãi trong kỳ	-	-	7.851.611.819	9.997.250	7.861.609.069	
Số dư cuối kỳ này	176.799.820.000	471.167.081	54.245.653.476	3.271.795.393	234.788.435.950	

**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Hoàng Luân	67.600.000.000	38,23%	67.600.000.000	38,23%
Ông Võ Văn Phước Quê	20.150.000.000	11,40%	20.150.000.000	11,40%
Các cổ đông khác	89.049.820.000	50,37%	89.049.820.000	50,37%
<b>Cộng</b>	<b>176.799.820.000</b>	<b>100%</b>	<b>176.799.820.000</b>	<b>100%</b>

**4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	176.799.820.000	136.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	176.799.820.000	136.000.000.000

**4.17.4. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>17.679.982</b>	<b>17.679.982</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>17.679.982</b>	<b>17.679.982</b>
Cổ phiếu phổ thông	17.679.982	17.679.982
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>17.679.982</b>	<b>17.679.982</b>
Cổ phiếu phổ thông	17.679.982	17.679.982
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 đồng/Cổ phiếu)

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	374.911.586.063	307.346.166.929
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.853.854.390	5.645.654.168
	<b>381.765.440.453</b>	<b>312.991.821.097</b>

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	359.756.179.876	296.388.741.254
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.791.370.115	3.089.221.602
<b>Cộng</b>	<b>364.547.549.991</b>	<b>299.477.962.856</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	88.975.292	161.895.557
<b>Cộng</b>	<b>88.975.292</b>	<b>161.895.557</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	4.429.310.531	4.810.808.102
Khác	4.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.434.110.531</b>	<b>4.810.808.102</b>

**5.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	726.027.053	584.247.282
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.875.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	632.891.975	327.970.631
Chi phí bằng tiền khác	695.323	602.906
<b>Cộng</b>	<b>1.376.489.351</b>	<b>912.820.819</b>

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.295.352.220	2.124.936.993
Chi phí vật liệu quản lý	140.990.981	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	92.348.300	176.495.176
Chi phí khấu hao TSCĐ	167.086.090	231.585.794
Thuế, phí và lệ phí	13.528.007	15.673.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.398.598	593.143.436
Chi phí bằng tiền khác	109.916.118	-
<b>Cộng</b>	<b>2.990.620.314</b>	<b>3.141.835.129</b>

**5.7. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản khác	-	18.550.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>18.550.000</b>

**5.8. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt vi phạm hành chính	13.129.487	-
Chậm nộp thuế, bảo hiểm	110.968.919	33.418.101
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	50.461.588	82.196.970
<b>Cộng</b>	<b>174.559.994</b>	<b>115.615.071</b>

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.330.085.564	4.713.224.677
Các điều chỉnh tăng	1.039.444.330	896.473.789
- Chi phí không hợp lệ	1.039.444.330	896.473.789
Lợi nhuận tính thuế TNDN	9.369.529.894	5.609.698.466
Thuế suất	10%	10%
Thuế TNDN	936.952.989	560.969.847
Thuế TNDN được miễn, giảm	(468.476.494)	(280.484.923)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>468.476.495</b>	<b>280.484.924</b>

**5.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.851.611.819	4.396.598.292
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	7.851.611.819	4.396.598.292
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	17.679.982	13.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>444</b>	<b>323</b>
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	8.839.991	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>296</b>	<b>323</b>

(\*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 7.2.

**5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.656.852.523	77.904.813.003
Chi phí nhân công	4.230.624.491	4.166.351.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.281.932.858	4.294.027.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.136.999.738	992.962.472
Chi phí khác bằng tiền	670.413.623	184.504.013
	<b>59.976.823.233</b>	<b>87.542.658.312</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	145.264.000.320	150.684.977.857
	<b>145.264.000.320</b>	<b>150.684.977.857</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	163.966.386.665	148.987.364.642
	<b>163.966.386.665</b>	<b>148.987.364.642</b>

**6.3. Số tiền thực trả nợ thuê tài chính**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Tiền trả nợ thuê tài chính	596.509.956	596.509.956
	<b>596.509.956</b>	<b>596.509.956</b>

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh**

CTCP Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang – “Công ty con” đang có hợp đồng thế chấp tài sản bất động sản cho khoản vay của Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 4.10.

Ngoài khoản nêu trên, Công ty mẹ và Công ty con không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho bên thứ 3 nào khác.

**7.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

- (1) Ngày 25/04/2025, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng kèm theo tờ trình số 03/2025/TTr-HĐQT/AVG của Hội đồng Quản trị.

Ngày 15/7/2025, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 thông qua:

- ✓ Phương án sửa đổi chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng kèm theo tờ trình số 04/2025/TTr-HĐQT/AVG của Hội đồng Quản trị:

**Chi tiết phương án phát hành**

Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	: Tối đa 8.839.991 cổ phiếu;
Mệnh giá	: 10.000 VND/cổ phiếu;
Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán	: Tối đa 88.399.910.000 VND;
Hình thức chào bán	: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
Tỷ lệ thực hiện quyền	: 2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cứ 02 quyền được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm).

**Chi tiết phương án sử dụng vốn dự kiến theo thứ tự ưu tiên như sau:**

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (VND)
1	Đầu tư mua tài sản (đất/nhà) để mở văn phòng đại diện/chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và mua sắm các tài sản khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	30.000.000.000
2	Trả các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty.	30.000.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.	28.399.910.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>88.399.910.000</b>

- ✓ Thông qua phương án mới về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 kèm theo tờ trình số 05/2025/TTr-HĐQT/AVG của Hội đồng Quản trị:

**Chi tiết phương án phát hành**

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành trả cổ tức	: 4.508.395 cổ phiếu;
Mệnh giá	: 10.000 VND/cổ phiếu;
Thời gian dự kiến phát hành	: Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
Hình thức phát hành	: Phát hành thêm cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024;
Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu	: Tỷ lệ 100:17 (cổ đông nắm giữ 100 cổ phần cũ được nhận thêm 17 cổ phần mới).

- 2) Ngày 02/8/2025, CTCP Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang và CTCP Nông Lâm nghiệp Hồng Hà ký phụ lục hợp đồng số 0208/2025/PL-HĐCNCP điều chỉnh giá trị chuyển nhượng chính thức sau khi 02 bên đã thống nhất xác định giá chuyển nhượng dựa theo tham khảo tư vấn thẩm định giá, dẫn đến giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Chứng khoán kinh doanh tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính là 35.088.000.000 đồng.

**7.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**7.3.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, trưởng ban kiểm soát, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong kỳ kế toán như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này		Kỳ trước	
		Tiền lương VND	Tiền thù lao VND	Tiền lương VND	Tiền thù lao VND
Nguyễn Hoàng Luân	Chủ tịch HĐQT	61.528.846	-	51.764.615	-
Võ Văn Phước Quê	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	67.759.615	-	58.159.236	-
Nguyễn Đức Quang	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	53.330.000	-	49.971.515	-
Biện Thị Chuyên	Kế toán trưởng	92.325.676	-	72.707.746	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>274.944.137</b>	<b>-</b>	<b>232.603.112</b>	<b>-</b>

***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.***

Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành Lập – em trai ông Nguyễn Hoàng Luân là quyền sử dụng đất đang được công ty thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam. Chi tiết tại Thuyết minh số 4.16 (2).

Tài sản là trái phiếu trị giá 1.000.000.000 VND thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hoàng Luân đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Chi tiết tại Thuyết minh số 4.16 (4).

***Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.***

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu kỳ VND</b>
Nguyễn Hoàng Luân	Tiền thù lao	72.000.000	72.000.000
Võ Văn Phước Quê	Tiền thù lao	36.000.000	36.000.000
Võ Huỳnh Trang	Tiền thù lao	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Đức Lộc	Tiền thù lao	24.000.000	24.000.000
Đinh Huỳnh Thái Tâm	Tiền thù lao	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Đức Quang	Tiền thù lao	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Thị Thu Hiền	Tiền thù lao	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Thị Thu Thảo	Tiền thù lao	24.000.000	24.000.000
Lưu Thị Cẩm Hoài	Tiền thù lao	24.000.000	24.000.000
		<b>312.000.000</b>	<b>312.000.000</b>

### **7.3.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các doanh nghiệp, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát ở Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và các công ty trong cùng tập đoàn.

#### ***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Trong kỳ kế toán này, Công ty không có phát sinh nghiệp vụ với các công ty có liên quan.

#### ***Số dư các khoản phải thu, phải trả ngắn hạn với các bên liên quan khác***

Tại ngày kết thúc kế toán này, Công ty không có số dư với các công ty có liên quan.

### **7.4. Thông tin về bộ phận**

#### **Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các hoạt động kinh doanh sau:

- Hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón;
- Hoạt động cho thuê tài sản;
- Hoạt động kinh doanh điện mặt trời;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại phụ lục 01.

#### **Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty trong kỳ chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**7.5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.



**Người lập biểu**  
**Nguyễn Khải Vân**



**Kế toán trưởng**  
**Biện Thị Chuyên**



**Tổng Giám đốc**  
**Võ Văn Phước Quê**  
Cần Thơ, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và Công ty con như sau:				
Kỳ này	Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Lĩnh vực điện mặt trời	Các khoản loại trừ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	374.910.586.063	5.187.833.619	1.666.020.771	381.764.440.453
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>374.910.586.063</b>	<b>5.187.833.619</b>	<b>1.666.020.771</b>	<b>381.764.440.453</b>
Chi phí theo bộ phận	(360.006.183.549)	(4.211.955.780)	(329.410.662)	(364.547.549.991)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.904.402.514	975.877.839	1.336.610.109	17.216.890.462
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.367.109.665)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				12.849.780.797
Doanh thu hoạt động tài chính				88.975.292
Chi phí tài chính				(4.434.110.531)
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				(174.559.994)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(468.476.495)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>7.861.609.069</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>88.421.000</b>		-	<b>88.421.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.450.123.567</b>	<b>1.806.747.996</b>	<b>329.410.662</b>	<b>4.586.282.225</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ẮU VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Mẫu số B 09 – DN/HN

Kỳ trước	Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Lĩnh vực điện mặt trời	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	307.346.166.929	4.864.452.450	781.201.718	-	312.991.821.097
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>307.346.166.929</b>	<b>4.864.452.450</b>	<b>781.201.718</b>	<b>-</b>	<b>312.991.821.097</b>
Chi phí theo bộ phận	(296.388.741.254)	(2.763.781.602)	(325.440.000)	-	(299.477.962.856)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.957.425.675	2.100.670.848	455.761.718	-	13.513.858.241
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(4.054.655.948)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					9.459.202.293
Doanh thu hoạt động tài chính					161.895.557
Chi phí tài chính					(4.810.808.102)
Thu nhập khác					18.550.000
Chi phí khác					(115.615.071)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(280.484.924)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>					<b>4.432.739.753</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>14.990.000</b>				<b>14.990.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.410.280.294</b>	<b>1.805.430.354</b>	<b>325.440.000</b>		<b>4.541.150.648</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Mẫu số B 09 – DN/HN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và Công ty con như sau:

<b>Năm trước</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón</b>	<b>Lĩnh vực cho thuê tài sản</b>	<b>Lĩnh vực điện mặt trời</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
Tài sản trực tiếp của bộ phận	120.919.287.035	79.542.732.707	14.678.043.871		215.140.063.613
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-		-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					188.666.956.389
<b>Tổng tài sản</b>					<b>403.807.020.002</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	149.216.086.577	-	-		149.216.086.577
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-		-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					27.664.106.544
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>176.880.193.121</b>
<b>Năm nay</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	156.558.959.445	77.906.982.324	13.673.365.187		248.139.306.956
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-		-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					161.423.806.700
<b>Tổng tài sản</b>					<b>409.563.113.656</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	130.995.366.955		-		130.995.366.955
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-		-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					43.779.310.751
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>174.774.677.706</b>